TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Chính vua Quang Trung đã phá bỏ lệ cống người vàng — *Hoa-Bằng*
* Hai xuân oanh liệt của nước Việt-nam ta (I) — *Dương-Kị*
* Mùa xuân năm xưa nước ta đánh những trận nào ? (Hết) — *Ứng-Hòe*
* Ý nghĩa nhơn sinh trong truyện cười (Hết) — *Đặng-Thái-Mai*
* Nhìn qua văn học Việt-nam năm 1942 (Hết) — *Lê-Thanh*
* Khai bút — *Cách-Chi*
* Thơ tết với chuyện tết đời xưa (Hết) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Hoa mai (II) — *Kiều-Thanh-Quế*

Năm thứ ba — **Số 83**
Thứ năm, 18 Février 1943

0 $ 20

Nhân ngày giỗ trận ở Đống-Đa

CHÍNH VUA QUANG-TRUNG

có công trong việc phá bỏ lệ cống người vàng

HOA-BẰNG

HÀNG năm, cứ đến mồng năm tháng giêng âm-lịch, ở Đống-đa thuộc Hà-đông, có lễ Giỗ trận. Đó là một ngày « lịch-sử » đáng kỷ-niệm đời đời.

Để kỷ-thuật võ-công của vua Quang-trung (1788-1792), trên tờ báo này đã có nhiều bài nhắc đến. Nay tôi chỉ riêng nói về việc vua Quang-trung, vì có quân mạnh [illegible] ròng, sung to gươm bên [illegible] sau lưng, đã thẳng tay phá [illegible] được lệ cống người vàng mà [illegible] đời Tàu, từ bao nhiêu đời, vẫn [illegible] trên lưng dân-tộc Đại-Việt.

Lệ cống người vàng bắt đầu từ đời nào ?

Cứ theo như bức thư của triều Quang-trung phản-kháng nhà Thanh mà tôi trưng dẫn nguyên-văn bằng chữ hán dưới đây, thì việc cống người vàng là bắt đầu từ Trần (1225 — 1413) qua Lê (1428 — 1527) đến Mạc (1527 — 1592) và Lê Trung-hưng (1533 — 1789). Nếu lịch-sử « cống người vàng » quả đúng như trong bức thư ấy đã nói, thì ra, trong vòng 564 năm đó, ta phải trĩu vai dưới một ách nặng rất bất công và ê cổ góp một món nợ truyền tử nhược tôn không bao giờ hết !

Để biện minh việc cống người vàng này là bắt đầu từ Trần hay từ Lê, tôi đã có bài đăng ở *Thế giới tân-văn* số 28, 29, ngày 15 và 22 Janvier 1937. Rồi trong một số Tri-Tân sau, tôi sẽ trở lại vấn đề này một lần nữa. Nay vì số báo này có 16 trang, nên tôi phải rút hẹp phạm vi mà nói thẳng ngay vào việc vua Quang trung đã phá được cái lệ khốc-hại ấy.

Xuân Kỷ-dậu (1789), Việt-Nam với một số quân hơn 10 muôn, đã quét sạch 20 vạn quân Tôn-sĩ Nghị.

Nhờ trận chiến thắng ấy, Việt-Nam từ bước tê-liệt ở cuối Lê trung hưng đã nhảy lên địa vị hùng cường, làm cho nhà Thanh phải nhìn ngó bằng con mắt e dè, kiêng nể, có khi lại sợ sệt là khác.

Một khi đã có võ lực làm hậu thuẫn, triều Tây-sơn rất dễ « nói chuyện » về việc ngoại giao với Mãn-thanh.

Quen mùi, an mãi, nhà Thanh

Nguyên văn bức thư...

皂黎殺柳昇同律本國國長於情有
屈不能無望於鈞衡也夫古者諸侯
朝見天子或朝于方岳或覲于京師
有能來者自來不能親來遣其子弟
入侍貴在奉琛執贄上下之情通至
於金人替形八朝唐虞三代以及漢
唐宋未常有是大人宣布教聲亦唯
以隆古治朝之良法美意令諸下國
元明二代之所為事不師古何足效
也伏望追繳鈞命免鑄獻金人之事云

muốn cứ dài huởng cái miếng ngon béo như xưa. Phúc-khang-An, bấy giờ làm tổng đốc Lưỡng-Quảng, lại vin lệ cũ bảo nhà Tây-sơn rằng : Phàm các đời trước, mỗi khi thay triều đổi họ, đều có người vàng thay thế sang tạ. Nay Tây-sơn cũng phải sắm lấy một pho người vàng đem sang dâng công thì mọi việc mới xong xuôi.

Trước sự yêu sách ấy, tính sao đây ?

— Không ! Vua Quang-trung trả lời trăm lần không, nghìn lần không với giọng rất cương quyết, rất hăng hái,

Để phản kháng Phúc-khang-An, ngài sai viết bức thư này :

« Tích Trần, Mạc lịch đại dĩ đắc tội ư Trung-quốc, hiện đại thân kim nhân. Bản quốc Quốc trưởng khởi tự bố y, thừa thì tập sự, dữ Lê-vương bản vô hữu quân thần chi phận. Kỳ khứ lưu tại thiên số, hướng bội tại nhân tâm, phi hữu ý ư Lê chi quốc như thoán-đoạt giả tỉ.

« Thả, tiền giả Tôn bộ-đường đề binh nhi lai, ban quốc Quốc-trưởng bất đắc dĩ nhi ứng chi, tòng vô xâm-phạm biên-cảnh dĩ đắc tội ư thượng quốc.

« Kim thừa khai ân Trần, Lê, Mạc cống kim nhân chi lệ, thị bản quốc Quốc-trương minh chính đắc quốc phản sai ư Ngụy-Mạc chi khoa, nhi nhất niệm cung thuận xuất ư ủy thiên sự đại chi thành, phản dư Trần cầm Ô-Mã-Nhi, Lê sát Liễu-Thăng đồng luật ! Bản quốc Quốc-trưởng ư tình hữu khuất, bất năng vô vọng ư quân hành dã.

« Phù, cổ giả chư hầu triều kiến thiên-tử : hoặc triều vu phương-nhạc, hoặc cận vu kinh-sư. Hữu năng lai giả tự lai, bất năng thân lai khiển kỳ tư-đệ nhập thị, qui tại phụng thám, chấp chí, thượng hạ chi tình thông.

« Chi ư kim nhân thế hình nhập triều : Đường, Ngu, Tam-đại dĩ cập Hán, Đường, Tống vị thường hữu thị !

« Đại nhân tuyên bố giáo thanh, diệc duy dĩ long cổ trị triều chi lương pháp, mỹ ý linh chư hạ quốc. Nguyên, Minh nhị đại chi sở vi, sự bất sư cổ, hà tức hiệu dã ? Phục vong truy hiệu quân mệnh, miễn chủ hiến kim-nhân chi sự, v. v.) »

Dịch nghĩa :

« Xưa, các đời Trần, Mạc vì được tội với Trung-quốc, phải dâng người vàng ae thè hình.

« Quoc-trưởng nước tôi từ bước là một người mặc áo vải, nhân thời-thế, vùng lên làm việc, đối với Lê-vương vốn không có cái vai lứa ai là vua, ai là tôi chi cả. Còn hay hết, là ở sở trời theo hay bỏ, là ở lòng người. Quốc-trương nước tôi có ý lấy nước của Lê đâu mà sánh với kẻ giành-cướp được ?

« Vả, trước đây, Tổng-đốc họ Tôn (Sĩ-Nghị) đem binh lính đến. Quốc-trương nước tôi bất đắc dĩ phải ứng-phó lại, chứ không hề xâm phạm bờ-cõi để được tội với thượng-quốc bao giờ !

« Nay thày ngài theo lệ Trần, Lê, Mạc cũ mà bắt cống người vàng, thế thì Quốc-trưởng nước tôi được nước một cách quang-minh chính-đại, té ra lại phải liệt vào hàng tiếm ngụy như nhà Mạc, mà chút lòng cung thuận ra từ tấc thành sợ Trời, thờ nước lớn lại phải chịu chung một luật như nhà Trần bắt Ô-Mã-Nhi, nhà Lê giết Liễu Thăng ư ? Thế thì, kể về tình, Quốc-trưởng nước tôi có điều bị ức, không thể không trông ở ngài cân nhắc cho vậy.

« Này, xưa kia, chư hầu triều-kiến thiên-tử : hoặc chực ở phương-nhạc, hoặc chầu ở kinh-sư. Ai đi được thì tự mình đến, ai không thân đi được thì sai cử em vào hầu, chỉ cốt dâng thám, tỏ đồ tin, để cho cá trên dưới được thông suốt.

« Đến như bắt lấy người thế hình vào chầu thì

(Xem tiếp trang

...của triều Quang-Trung

昔陳莫歷代以得罪於中國獻代身金人 本國國長起自布衣乘時集事與黎王無有君臣之分其去留在天數向背在人心非有意於黎之國如篡奪者比且前者孫部堂提兵而來本國國長不得已而應之從無侵犯邊境以得罪於上國今承概按陳黎莫貢金人之例是本國國長明正得國反儕於偽莫之科而一念恭順出於畏天事大之誠反與陳擒烏馬

hai xuân oanh-liệt của Dân-Tộc VIỆT-NAM

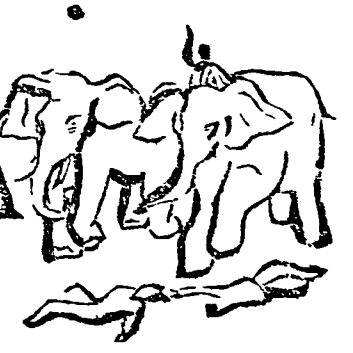

Mãn-Khánh DƯƠNG-KỲ

LỊCH-SỬ của dân-tộc Việt-Nam có hai đặc-sắc : một đàng là chống cự với nước Trung-hoa to-lớn, mạnh-bạo không bỏ sót cơ hội tốt nào mà không lợi-dụng để thôn-tính nước ta ; một đàng là bành trướng vào Nam, diệt hẳn nước Chiêm-thành, xé nửa đất nước Chân-lạp. Trải hai nghìn nam dân-tộc ta khi nào cũng mải-miết, đau-khổ, đem toàn sinh lực trong nước ra lo hai việc ấy. Nay nhân xuân đến, xin mời độc-giả thân-yêu, cùng tôi đốt lư trầm, lần giở chồng sách cũ, truy-niệm đến hai xuân xưa tiêu-biểu cho hai đặc-điểm của lịch-sử nước nhà vừa nói trên.

Xuân nam tân-mão (1471)...! Nhân-tâm trong nước đương sôi-nổi bởi hài chiếu bình Chiêm hùng-tráng của vua Lê-Thánh-Tôn.

Sau khi vua Lê-Thái-Tổ cứu khỏi ách đô-hộ nhà Minh, nước Đại-Việt mỗi ngày mỗi củng-cố thế nhân dân mỗi đông đúc. Thế bấy giờ bắt buộc dân-[illegible] phải khuyếch-trương lĩnh-[illegible] hỏi có nơi mà sanh-tụ. Chiêm [illegible] không thể làm [illegible] là một nước hùng cường, giữ cho khỏi bị nước ấy thôn-tính, người mình cũng đã nhọc-nhằn lao khổ lắm rồi, hơi sức đâu mà còn nghĩ đến việc xâm-chiếm đất-đai của nhà Minh.

Phía tây thì trùng-trùng điệp-điệp những núi cùng non, là chỗ « ma thiêng nước độc », dân ta không dám bén mảng đến. Chỉ còn một đường là : Nam tiến. Ý-định của toàn-quốc như thế, mà lại được một đấng anh-quân liệt vào hạng cổ-kim đệ nhất anh-hùng, đứng làm lĩnh-đạo chỉ-huy, thì cái cơ diệt-vong của nước Chiêm-thành đã thấy rõ.

Mà nước Chiêm-thành nào có biết thủ-phận, lo sắp-đặt trong nước, ăn ở hòa-thuận với dân Đại-Việt đâu ! Khi nào họ cũng lăm-le chực đánh nước Đại-Việt. Ta hãy nghe *chiếu bình Chiêm* kể :

« *Họp những kẻ nó quen trộm cướp, dòm hành buông thói cầu-du ; lén vào nơi ta chẳng đề-phòng, hăm-hở kéo quân ô-hợp. Đánh cướp Hóa-châu, giết hại linh thú. Quá tháng mịt mù khói-lửa, họa tầy trời ta mới dẹp yên ; một phen tan tác gió mưa, mưu cướp đất nó càng thêm vụng... Cầu đồng-trụ dựng ở Hoành-sơn, xui quân Hán xuống miền Vân-quảng...* »

Nhưng đó cũng là tình thế nước Chiêm-thành bắt buộc dân Chiêm như vậy. Là tiên-phong của văn-minh Ấn-độ trên bán-đảo hình chữ S này, muốn bành-trướng, người Chiêm chỉ còn một đường : Bắc tiến. Phía tây là rừng núi, sào-huyệt của các giống Kiralas (mọi) hung-tợn, phía nam là nước Chân-lạp khi ấy rất hùng-cường chỉ chờ cơ-hội tốt để thôn tính Chiêm-quốc. Vì thế nên người Chiêm họ cũng không vừa, tìm hết cách tàn-sát sinh-linh và phá-hại giang-sơn Đại-Việt.

« *Coi dân ta nhẹ hơn là cỏ-rác, nỡ đem lòng bỏ chết hại người ; cho nước ta dễ lấy như đánh cờ, mong tìm cốt Bồng-Nga lúc nọ. Xem những lời sàm-nịnh với nhà Minh ; thực hại cho xã-tắc của nước Việt. Vua Minh-đế sinh lòng lo-ngại, sắc thư ban hỏi luôn năm ; giặc Chiêm-thành cậy thế lung-lăng, xe úp muốn chồng dấu cũ.* »

Vì thế nên vua Lê Thánh-tôn mới :

« *Thề theo đạo trời, kế chí Hoàng-khảo, Tuốt gươm vàng thề với non sông, thù chín kiếp phen này quyết trả ; phất cờ đỏ mở-mảng đất nước, kế vạn-toàn hiệu trước đã yên (1). Quân điếu-phạt móc-mưa rưới đức, trước là cứu vớt muôn dân ; cuộc chinh-tru sấm sét ra oai, sau nữa dẹp yên một nước* ».

Còn quân lính thì :

« *Ba quân đã đành lòng đãi thỉ, hăm-hở mài gươm giữa giáo, quân Kinh-nghê (2) toan mấy trượng xây cao ; trăm trận lo ráng sức tranh-tiên, lám-le đạp lũy phá thành, công tre lụa quyết nghìn năm để dấu* ».

Dưới quyền chỉ-huy của vua Lê-Thánh-Tôn, đạo hùng binh ấy gồm có hơn 250.000 người, xuân năm tân-mão đã kéo vào Thuận-hóa, nghỉ một lúc để diễn-tập, rồi thâm-nhập đất Chiêm-thành.

Thống chế Pétain đã nói :

« *Nhờ có bại trận mà mối đồng-tâm của quốc-gia được thắt chặt : chúng ta sở dĩ quây quần để tìm sự bảo-vệ chung. Sự gần gụi đó, âu chỉ là tự-nhiên, là hy-vọng nâng đỡ nhau trong cuộc phục-hưng. Nhưng Quốc-gia Cách-mệnh còn phải cần sự thống-nhất của nước Pháp* ».

Ngày mồng sáu Tết bắt được Chiêm-tướng Bồng-Nga-Sa.

Chiêm-vương Mà-Ha Bàn-La Trà-Toàn sai em là Thi-Nại cùng sáu viên senapti (đại-tướng) kéo nam nghìn binh đến đón đánh. Các bạn đừng lấy làm ngạc-nhiên, mà cho Trà-toàn không biết liệu sức, chỉ đem 5000 lính chống với 250.000 quân ta. Nam nghìn người ấy là một đạo quân « thiết-giáp » ghê-gớm, rất lợi-hại thời bấy giờ. Chúng đều mặc áo-giáp bằng mây trắng (bạch đằng) cỡi những con voi luyện-tập rất kỹ-càng ; voi mang những cái tầu kiên-cố trong đó chúng nấp để bắn tên thuốc-độc ra. Có lẽ nam nghìn người thì cỡi ước chừng một nghìn voi. Xin các bạn nhớ cho rằng Chiêm-vương có 1000 voi trận là việc thường. Từng ấy voi đi thành hàng ngũ, các bạn thử tưởng-tượng sức công-phá của chúng mãnh-liệt là dường nào.

(Còn nữa)

Mẫn-Khánh DƯƠNG-KỲ

1°) Lấy trong câu « ba lo bầy tiếu » (tạm tư tái tư).

2°) Trích ở Tả-truyện : Tấn Sở tranh hùng. Tấn thua. Sở-tướng xin lấy thây quân Tấn chất thành đống cao, đắp đất lại thành nền, xây một cái « quán » (án đài thượng cầu ốc khả dĩ viễn quan). Tả-Khưu-Minh lại nói : Lấy cả kinh nghê đắp thành nền (thủ kỳ kình nghê nhi phong chi).

Những đoạn in chữ xiên trên này, đều trích-dịch ở bài **chiếu binh Chiêm**. *Chỉ dịch nghĩa chứ không câu-nệ từng chữ (mot à mot), có giu-thúc sửa chữa dịch giảm.*

***

Những sách tham khảo : *Đại-Việt sử ký toàn-thư, Cương-mục, Uyên-giám-lưu-hàm (quyển Histoire du Champa của M. Thực-lục, Histoire Moderne d'Annam của Maybon, Việt-sử lược của Trần-Trọng-Kim.*

Bấy giờ có các danh-tướng nầy giúp vua Lê-thánh-Tôn : Đinh-Liệt, Lê-Niệm, Lê-Hy-Cát, Trịnh-Lục-Sái, Nguyễn-Đức-Trung, Lê-Thế, Lê-Thọ-Vực v. v...

MÙA xuân năm giáp-tý là năm 544 sau kỷ-nguyên, Lý-Bon tự xưng là Nam-Việt đế, kỷ-nguyên Thiên-đức, gọi tên nước là Vạn-xuân, cho Triệu-Túc làm thái-phó, Tinh-Thiều, Phạm-Tu làm tướng võ tướng văn.

Bấy giờ Vũ-đế nhà Lương cho Dương-Siêu làm thứ-sử châu Giao, Trần-bá-Tiên làm tư-mã, đem quân sang đánh nước ta. Bá-Tiên đi trước, đánh một trận ở Chu-diên, trận thứ hai ở Gia-ninh. Vua Lý chạy về Tân-xương, mở xưởng chế-tạo chiến-thuyền, đóng đồn ở hồ Điền-triệt (nay là huyện Lập-thạch). Gặp khi ấy nước sông lên mạnh, chảy rót vào trong hồ. Bá-Tiên đem quân theo dòng nước tiến lên. Vua Lý Nam-đế lui giữ động Khuất-lão, mắc khí lam-chướng, rồi mất. Người trong nước nhớ ơn, hát câu này để ghi công :

Nước lã mà vã nên hồ,
Tay không mà nổi cơ-đồ mới ngoan (1).

Đất cát là đất cát thuộc Tàu, quân lính là quân lính thuộc Tàu, thế mà vua Lý Nam-đế dấy quân cắt đất, độc lập xưng hùng, tuy đời Tiền-Lý chưa đầy năm mươi năm, nhưng vua Lý cũng là một người có võ-công thứ nhất ở nước Nam-Việt ta.

Vua Tự-đức có phê rằng : « Lý Nam-đế tuy sức không địch nổi, việc không thành, nhưng có ra thời nổi dậy, tự xưng đế Nam-Việt, cũng đủ làm tiên-thanh cho nhà Đinh (968-980), nhà Lý (1009-1225), há chẳng vẻ-vang to-lớn lắm thay ! » (2)

Trận độc-lập thứ ba là trận Phùng-Hưng.

Mùa xuân năm tân-mùi là năm 791 sau kỷ-nguyên, nhà Đường cho Cung chính-Bình làm An-nam đô-hộ-phủ. Chính-Bình làm quan thu vét của dân. Tháng tư người làng Đường-lâm ở châu Giao, là Phùng-Hưng khởi binh vây phủ đô-hộ. Nguyên Phùng-Hưng là nhà hào-phú, có sức khỏe. Trong niên-hiệu Đại-lịch đời Đường Đại-tôn (766-779), nhân châu Giao nổi loạn, Phùng-Hưng cùng em là Phùng-Hãi đem quân uy-phục các ấp láng-giềng. Phùng-Hưng hiệu là Đô-quân, Phùng-Hãi hiệu là Đô-bảo, cùng đánh Chính-Bình, mãi không được, đến năm tân-mùi 791, dùng cái kế của Đỗ-anh-Hàn là người làng, đem quân vây phủ đô-hộ. Chính-Bình lo sợ rồi chết. Phùng-Hưng nhân ở luôn phủ-trị. Chưa được bao lâu, Phùng-Hưng mất. Con là Phùng-An tôn làm Bố-cái đại-vương (3). Tục xưa gọi cha là bố, gọi mẹ là cái, cho nên tôn hiệu là bố-cái, ý nói ehe chở. Ta còn câu ca-dao : « Tháng chín thì quít đỏ trôn, tháng ba ngái mọc cái con tìm về », thì rõ rằng tiếng cái là mẹ (4).

Mùa xuân năm xưa

NƯỚC TA

đánh những trận nào ?

(*Bài nối*)

II. — Một cuộc chinh-phạt.

Mùa xuân tháng hai năm kỷ-dậu 1069, vua Lý Thánh-tôn (1054-1072) thân chinh đi đánh Chiêm-thành, bắt được chúa Chiêm-thành là Chế-củ (chữ phạn khắc trên bia Chiêm-thành là Rudravarman III, 1061-1074) (5) và năm vạn quân-chúng.

Nguyên lúc mới đi, vua Lý Thánh-tôn đánh mãi mà vẫn không hạ được ; về đến châu Cư-liên, nghe nói Nguyên-phi giúp việc nội-trị, lòng dân vui theo, trong nước yên-ổn, tôn-sùng Phật-giáo, tục gọi Nguyên-phi là Quan-âm-nữ, vua Lý Thánh-tôn nói rằng : « Kìa một người đàn-bà còn làm được như thế ; ta là người nam-tử, sao lại chịu hèn ? » Lại đi đánh, được trận.

Mùa hạ tháng sáu thu quân về. Mùa thu tháng bảy dâng những người Chiêm-thành bắt sống được lên Thái-miếu. Có lẽ từ bấy giờ thành lệ tạc những pho tượng Chàm, ta thường gọi là « ông phỗng » do chữ phủng nghĩa là hai tay bưng, hay chữ phù là tù binh.

Chế-củ xin đem đất ba châu là Địa-lý Ma-linh và Bố-chính (6) để chuộc tội, vua Lý Thánh-tôn cho, tha Chế-củ về nước (7).

III. — Hai trận đánh quân xâm phạm

Mùa xuân tháng giêng năm ất-dậu, tức là năm 1285 sau kỷ-nguyên, quân nhà Nguyên (Mông-cổ) lấy các cửa ải Lạng-sơn, tiến lên sông Vạn-kiếp. Đức-Trần Hưng-đạo (Trần-quốc-tuấn) đem chiến-thuyền bày trận cách Vạn-kiếp mười dặm. Tên trận này là trận Dực-thủy.

Tướng mông-cổ là Thoát-hoan (Togan) thả quân ra đánh, quan quân của ta chạy lui, chiến-thuyền bị Nguyên bắt được. Kịp khi quân Nguyên đến cướp ở những chỗ quân ta đóng ở Gia-lâm, Vũ-ninh, Đông-ngàn, bắt được quân ta, thấy cánh tay đều trạm mực hai chữ « Sát-Thát » (giết quân Thát), người Mông-cổ giận lắm, giết hết, rồi tiến quân đến Đông-bộ-đầu, treo hiệu cờ. Vua Trần-nhân-tôn (1278-1293) muốn sai người ròm xem hư thực thế nào, nhưng không tìm được người. Quan chi-hậu cục-thủ là Đỗ-khắc-Chung xin đi; vua khen rằng: « Biết đâu xe muối, lại có ngựa Ký ngựa Ký như thế! », rồi sai sang đồn quân Nguyên xin hòa. Khi đến nơi, Ô-mã-nhi (Omar) đem hai chữ « sát Thát » ra trách, và nói: « Thế là khinh nhờn thiên-binh, lỗi ấy to lắm! » Khắc-Chung đáp rằng; « Chó nhà cắn người lạ, vì không phải chủ: đấy là lòng trung phẫn của quân-sĩ tự trạm lấy. » Mã-nhi lại nói: « Đại-quân ở xa đến, sao không làm lễ nghênh tiếp? Lại dám chống lại mệnh-lệnh! » Khắc-Chung đáp rằng: « Hiền-tướng (nói Mã-nhi) không theo cái kế của Hàn-Tín đánh nước Yên, đóng quân ở đầu cõi, đưa thư báo tin trước. Như thế mà chúng tôi không thông-hiếu mới là lỗi! Nay hiền-tướng đến tận nơi: muông thú đến lúc cùng thì cắn, chim đến lúc cùng thì mổ, huống chi người! » Mã-nhi nói: « Đại-quân mượn đường đánh Chiêm-thành, quốc-vương các anh nếu ra mắt, thì trong nước được yên, không phạm một mảy lông; nếu không thế, thì trong chốc lát, núi sông đều làm bình-địa, vua tôi sẽ là cơ nát: dẫu muốn hối, cũng không được nữa! » Khắc-Chung cáo từ về. Mã-nhi bảo các tướng rằng: « Đương lúc mình lấy oai dọa-nạt, mà người ấy tử-khí cứ tự-nhiên, không chịu nói chủ mình là Đạo-trích, không nịnh ta là vua Nghiêu, chỉ nói: chó nhà cắn người, thật là khéo ứng-đối, có thể gọi là « bất nhục quân-mệnh » (không làm nhục mệnh-tệnh của vua). Nước ấy có người khả, chưa dễ mưu tính được ».

Ô-mã-nhi nói chẳng sai tý nào. Mùa xuân, tháng giêng, năm mậu-tý (1288), nhà Nguyên lại sai Thoát-hoan, Ô-mã-nhi và Phàn-tiếp sang xâm-phạm nước ta, nhưng lại bị thua to.

Bấy giờ Trần-khánh-Dư làm phó-tướng ở Vân-đồn: đức Hưng-đạo-vương giao cho tất cả các công việc ngoài biên. Mã-nhi đem thuyền quân ra cửa bể Đại-bàng đón thuyền lương của Trương văn-Hồ. Khánh-dư đánh thua. Thượng-hoàng là Trần Thánh-tôn (1258-1290) nghe tiếng, sai Trung-sứ bắt về hành-tại. Khánh-Dư bảo trung-sứ rằng: « Pháp quân thì tôi cam chịu, nhưng xin thong thả cho hai ba ngày, để lo toan cái công về sau, rồi sẽ về chịu tội ». Trung-sứ nghe theo.

Nguyên là Khánh-Dư tính rằng: thuyền giặc đã đi qua thì thuyền lương chắc là theo sau. Bèn thu nhặt những quân sống sót để đợi. Được một lúc thuyền của Văn-Hồ quả nhiên đến. Khánh-Dư đón đánh được to, đến Lục-thủy-dương (nay ở huyện Hoành-bồ, tỉnh Quảng-yên, cách đông-nam 17 dặm), thuyền quân Nguyên mắc lại, không đi được, lương thực chìm hết xuống bể: binh ta bắt được quân-tư khí-giới rất nhiều. Văn-Hồ chỉ chạy thoát được một mình về Quỳnh-châu.

Khánh-Dư đưa thư tâu Thượng-hoàng. Thượng-hoàng tha tội trước, nói rằng: « Người Nguyên nhờ ở lương-thảo và khí giới, nay đã bị bắt hết, nếu chưa biết thì còn hung-hăng... » Mới thả nhưng người bắt được, sai về đồn nói rõ tình hình. Quân Nguyên từ bấy giờ thiếu ăn, ngày càng khốn-bách, ai cũng nhớ nhà, không có chí đánh nhau, cho nên năm 1288, khi quân Nguyên lại đến, nhân-dân tuy khổ, nhưng không đến nỗi khốc hại như năm trước. Khánh-Dư thật là người có công (8). (Hết)

Ứng Hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

1·) **Việt-Nam phong sử** *của Nguyễn văn Mại, đỗ phó bảng khoa kỷ sửu 1889.*

2·) **Khâm định Việt sử**, *tiền biên, quyển 4, tờ 7a*

3·) **Đại việt sử ký toàn thư**, *ngoại kỷ, quyển 5, tờ 6 a-b.*

4·) **Nam sử tập biên**, *quyển 1, tờ 31 b,*

5·) **Le royaume de Champa** *của Georges Maspero, trang 140-143.*

6·) *Châu Địa lý nay là phủ Quảng ninh, tỉnh Quảng bình. Ma linh là huyện Minh-linh và Gio linh, tỉnh Quảng trị; Bố chính là huyện Bố chính Minh chính và Bố trạch, Quảng bình (chép theo* **Khâm Việt sử** *chính biên quyển 3 tờ*

7) **Đại-việt sử ký toàn** *quyển 3, tờ 4b-5a.*

8·) **Khâm định việt sử**, *tờ 2b-5b.*

Ấy! nhưng lúc bác ăn cơm xong, giở ra ruộng, và thấy cái cầy đã biến mất tự bao giờ, thì bác sẽ về nhà gọi vợ vào tận trong nhà và ghé tai nói rất khẽ: « Cầy mất rồi! »

Người ta lại còn cười anh thầy tớ chỉ vì đã hiểu ông chủ quá « tận-tử » mà thiêu hẳn cái áo của thầy. Số là anh có tính ăn nói hấp-tấp và một ngày kia ông chủ đã mắng và bắt buộc « từ rày giở đi ăn nói phải cho có đầu có đuôi! » Thế rồi mấy hôm sau, chủ vừa mac cái áo vóc mới may, tinh-hảo — phải chang cũng về dịp tết? — và ngồi hút thuốc rồi vô-ý để tàn thuốc rơi vào áo mà không biết. Anh thầy tớ nhìn thấy, sẽ từ từ đi tới bên giường ông chủ, chắp tay và thong thả thưa rằng: « Thưa thày, trứng còn ngài, nở ra tằm, tằm làm kén, kén ươm tơ...» và cứ thế, câu ba chữ một, bác kể hết thiên phiêu-lưu-ký của mấy sợi tơ lúc đã bán cho chủ khách, lúc chủ khách chở nó về Tàu, và ở Tàu người ta đã dùng tơ mà dệt ra vóc, và đem bán lại cho chủ-khách, rồi chủ khách lại đem bán cho an-nam, rồi bà chủ đi chợ mua về, rồi ông chủ gọi thợ may, cắt áo, may thành áo, cho đến lúc: « Thày mặc áo, thày ngồi chơi, thày hút thuốc, tàn thuốc rơi, cháy kìa kìa!

Lần này, anh « nói có đầu có đuôi » thiệt! Nhưng một mảnh khá to của cái áo đẹp ông chủ [illegible] đã thì giờ mà hóa ra gio rồi! Cũng như trong văn hài-hước [illegible]ác dân tộc khác, bao nhiêu [illegible] thái trụy-lạc, bao nhiêu [illegible]thức bại liệt của thân-thể, [illegible]i-khôn, đều đã cung cấp cho chuyện cười nước ta một kho tài-liệu dồi-dào. Số là đối với kẻ ngu hèn, hạng người « trung-nhân » xưa nay vẫn có một thái độ khinh-bỉ. Phải chăng sự kém cỏi về ngũ-quan, về trí não cũng là biểu hiệu của một nhân cách không đủ lực-lượng để mưu-sinh để tự vệ, và phải ý-thị vào người khác mà sinh-tồn, nên mới bị người ta khinh-miệt? Thường tình vẫn thế, đối với những người xuất-chúng, người ta sùng bái hết mực, người ta không hề « mà cả » với lời tâng bốc, nhưng đối với kẻ sa-sút, thì họ sẽ dìm đến đáy mà không thương hại chút nào! Bản-chất câu cười, trước hết, là một trạng-thái vô-tình.

Một « bông xung » khác của giọng cười dân-chúng là những nhân cách, những cử chỉ, những thái-độ phản xã-hội. Những nết xấu có thể phương-hại đến hạnh phúc của đoàn-thể, như là lười biếng, tham ăn, bủn-sẻn, nói khoác... xã-hội cũng cần lấy sự cười để làm phương-pháp trừng giới.

Có những anh lười, biếng làm, siêng ăn, suốt ngày nằm há miệng dưới gốc cây sung, chờ cho quả chín rơi vào mồm mà nhai, thì cũng có những luồng gió vô-tình đã đẩy bao nhiêu quả rụng đi theo một chiều khác, không một quả nào lọt vào miệng thằng lười! Ấy nhưng văn hài-hước lại điều khiển sự tình-cờ và đưa đến bên mình anh một nhân-vật ngẫu-nhiên. Một ngôi cứu-tinh chăng?... Anh lười đói kia sẽ nhờ bác « làm ơn » nhặt hộ một vài quả bỏ vào miệng... Nhưng bác qua đường lại cũng không buồn cúi lưng xuống, và lấy tay mà nhặt, và chỉ lấy hai ngón chân cặp lấy một quả — (rõ khỉ!) — mà thả vào của miệng con « người nằm đó ».

Ấy nhưng « ân-nhân » còn chưa ngảnh lưng thì bác cả-lười đã cất miệng lên chửi ngay: « cái thằng làm biếng kia, lấy tay mà nhặt không được sao? »

Người ta còn kể chuyện cậu bé nọ đã có công tìm mãi mới được một ông thầy dạy « đạo » làm biếng. Thầy bảo:

« Ngày mai, sáng sớm, anh sẽ mang lễ vật đến để làm lễ « tiên sư » rồi ta khai-tâm ».

Ngày hôm sau, non trưa, cậu bé đưa xôi, gà trầu rượu đến. Trước lúc tế tiên sư thầy lại bảo:

Ý nghĩa nhơn sinh trong

TRUYỆN CƯỜI

Nước ta ngày xưa

(Bài nối)

ĐẶNG-THAI-MAI

« Ở nhà không có một cái án-thư, anh chịu khó qua bên nhà láng giềng, mượn lấy một cái để về bày lễ vậy!...

— Thưa thầy, có lỗ con cúi lưng xuống thày đạt ngay lễ lên lưng con, rồi làm lễ thì tiện hơn...

— Ôi thôi! Thế thì... anh có thể dạy nghề cho tôi rồi! Vậy anh về thì hơn!... Rồi đây, tôi sẽ sang xin thụ-giáo cùng anh!»

Trong hai câu chuyện trên đây, bịnh lười đã vượt qua phạm-vi cười, vô ý thức, mà đi đến cuộc đắc-thắng của một trạng thái siêu-nhân.

Bịnh lười đã được văn hài hước dân tộc ta chú ý đến như vậy, ấy cũng là một sự dễ-hiểu. Nhiều nhà học giả đã nhận thấy trong tiếng Anh rất nhiều những chữ về thương-mại, tiếng Pháp giàu những danh-từ xã giao. Buôn bán là biệt tài của dân ăng-lê. Xã-giao là đặc-sắc dân tộc Pháp. Người ta cũng đã có thể nhận thấy rằng những chữ động-tự để chỉ sự « mang » (Verbe porter) của tiếng ta có đến mấy chục chữ: mang trên đầu là đội, mang trên vai là vác, mang dưới nách là cắp, mang vào nách, là nách, lại còn đeo, dèo, xách, khiêng, quảng, gồng, gánh, khoác v. v... Ấy cũng là cái biểu hiệu sự làm lụng vất vả của dân tộc ta! Trong một xã-hội cần-lao như vậy, mà có những kẻ chỉ nằm-ngửa mà ăn, thì... không cười sao được!

Ích-kỷ là một tính phản xã-hội. Vậy nên các người bủn sẻn, tham-ăn cũng có một « dàm-ngôi » rộng rãi trong « Rừng cười! » Sống trong xã-hội, phải « có người có ta », nếu mình quên hẳn rằng trong giới đất còn nhiều người khác nữa, thì lẽ tất nhiên xã-hội phải có cách mà đối phó.

Tưởng không cần nhắc đến những người bủn sẻn làm gì. Nhưng người ta còn nhớ chuyện bác xã kia, một hôm, đi an kỵ về mặt ra vẻ giận-dữ. Chị vợ lấy làm lạ, hỏi vì lẽ gì. Bác giả lời rằng:

— « Tức quá kia!.... Ngồi mâm lốn người, cỗ có gì đâu? Tráng miệng được bốn miếng bánh rán mật!... Mình vừa an được ba miếng, tính thò dũa gắp nốt miếng thứ tư thì lão phó Hai nó gắp mất! »

Sinh hoạt xã hội căn bản ở nang lực cá nhân, ở luật hỗ-trợ của toàn-thể. Nhưng một sự cần thiết cho nền sinh-hoạt công-cộng nữa là phẩm-giá. Trong một địa-vị cao quý mà không có tư-cách tương đương thì sẽ bị cười. Một ông cụ-đồ, có cái thiên-chức giảng đạo thánh-hiền, mà đọc chữ này ra chữ kia, mà đem lời thanh-hiền ra mà giảng quàng giảng quấy, thì bị người cười. Một ông quan phụ-mẫu dân, nghe người ta bảo dân chết đói, và hỏi: « Thế sao không nấu cháo gà mà ăn! » cũng là một câu chuyện cười!... Ông thầy thuốc bắt mạch một ông quan và tuyên bố: « Bịnh sản-hậu! »; Thầy lý lễ đứng hộ-tang mà nhỉ nước đái với cỗ bày trên giường thờ, cũng là những người đáng cười...

Trong một trường-hợp tương tự, người ta cười những ông chủ bị thầy-tớ đánh lừa, nhưng ông chồng mọc sừng, những người sợ vợ — (có cả một làng sợ vợ!) — số là những sự trụy-lạc về mặt phẩm-giá, đều là những vai tuồng của trò cười dân-chúng.

« Thực trái hẳn với « danh », ấy là một hiện-tượng đáng cười. Hài hước dân ta không phải là hoàn-toàn thô-bỉ. Làm lục đục đi đến chỗ thâm trầm.

Giới rét giá mùa đông, anh xã Lão gặp một ông thầy địa-lý run cầm-cập trong một mảnh áo the bạc nhợt, tách lòi cả sườn. Anh xã sẽ ân cần rước về, làm canh rượu thịt, cho thầy ăn uống một bữa đến no nê. Cảm động với mối thịnh tình ấy, thầy sẽ hỏi: « Nào bây giờ muốn dời dương-cơ hay muốn đặt âm-phần? Cầu phúc hay cầu tài? lộc hay đinh? Muốn phát văn hay võ?

Anh xã sẽ thong-thả kể cho thầy nghe tình cảnh nhà anh ta. « Đinh » cũng có thể gọi là « Vượng » mà tài cũng không đến nỗi kém cỏi.

Còn như câu chuyện phát đạt, quan tư, ơn vua, lộc nước thì không dám nghĩ đến...

(Xem tiếp trang 15)

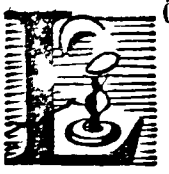

ỘC nín lại để nhớ mạch - lạc câu chuyện đã đến đâu. Mai nói giúp em một câu :

— Em kể tới đoạn Mai-phi thích thơ *Cát-đàm* ; vì thơ ấy ngợi khen đức-tánh của một bà Hậu-phi, mà nàng ao-ước ngày sau được trở nên.

— Giang Trọng-Tốn thấy con gái tánh-tình khác thường như thế, có bụng mừng thầm. Ông ta bèn đặt tên cho con là Thái Trần, lấy nghĩa ở chức-sự bà Hậu-phi trong kinh *Thi*. Năm Khai-nguyên đời vua Huyền-Tôn nhà Đường (tức Đường Minh hoàng), có viên hoạn quan Cao Lực-Sĩ đi sứ ngang ấp họ Giang. Bấy giờ, Thái-Trần đến tuần cập kê, dung-nhan kiều diễm, « tuyệt vời đưng riêng bực. Một cười, người nghiêng thành. Hai cười người nghiêng nước » Sắc đẹp nàng, thật chẳng kém em gái nhạc-sĩ Lý Diêm-Niêm — người đàn-bà đã khiến Hán Vũ-đế có lần phải buột miệng thốt : « Thế gian đâu có hạng người như thế ! »

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENT CAO-DOT

Chuyên bán buôn và nhận dệt khoán các thứ hàng nội-hóa như :

Douppion, Shan-tung, Faux, shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô, gạo, vân vân.

Nơi giao dịch :

Thơ bảo đảm và bưu phiếu xin gửi về cho M. Cao Đạo Cao :

N. 2 Rue Strabourg

HAIPHONG

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0 $ 50 bằng timbre để làm cước phí.

HOA MAI

Tiểu thuyết xuân

KIỀU-THANH-QUẾ

(Bài nối)

Cao Lực-Sĩ vốn biết tánh hiếu sắc của Đường Minh-hoàng, bèn điều-đình với Giang Trọng-Tốn, đem Thái-Trần tiến cung. Từ đó, trong năm cung son phấn (Bại-nội, Đại-minh và Hưng-khánh cung ở đất Tràng-an ; Bại-nội và Thượng-dương cung ở đất Đông-đô). bốn vạn mỹ nữ đêm đêm không còn nom thấy bóng xe dê. Đấng Cửu trùng ngày đêm mê mải chốn Mai-đình — nơi vàng ánh sắc hoa mai chớm nở ! . . .

Mỗi độ xuân về, mai hoa mãn khai, Mai-phi đều có thơ phú kỷ niệm hoa mai và ca ngợi nhiều thứ khác. Nàng có tám bài phú giai tác, được truyền tụng : *Mai lan phú* vịnh hoa mai, *Tiêu lan phú* vịnh hoa lan, *Lê viên phú* vịnh hoa lê, *Phương địch phú* tả chiếc sáo đẹp, *Pha bôi phú* tả cái chén lạ, *Tiễn đao phú* tả con dao xinh, *Ỷ song phú* tả cánh cửa sổ.

Minh-hoàng đã mê sắc, lại liên tài, đối với Mai-phi, muôn phần yêu quí.

Nhưng kể từ khi liếc trộm được dung nhan nàng Dương Thái-Chân — vợ Thọ-vương . . . . . — Minh-hoàng không còn thấy Mai-phi đẹp nữa. . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . .

Từ đó, mưa móc sủng-ái Mai-phi, Minh-hoàng đem rảy tưới cho Dương Quý-phi cả. Và chiều ý Dương Quý-phi, Minh-hoàng dời Mai-phi ra cung Thượng-dương cô tịch của đất Động-đô.

Từ đó, chốn Tây-cung, cùng với Dương Quý-phi, Đường Minh-hoàng :

Suốt ngày tháng tiệc hoa vui mãi,
Đêm xuân tàn xuân lại còn đêm (I),

. . . Nhưng có một đêm, Minh-hoàng sực nhớ đến Mai-phi, gọi đứa tiểu-hoàng-môn bảo lên đến Thượng-dương cung, mật triệu Mai-phi. Mai-phi vâng thánh chỉ đến Tây-cáo cung Thúy-hoa hầu Minh-hoàng. Cám ơn Thánh-đế « giữa tiệc ngọc tưng-bừng ca vũ », có đám Phi tần « thấp thoáng xiêm nghê », Mai-phi vừa uốn mình múa một điệu tuyệt luân, vừa trời giọng hát một bản cung-từ chúc tụng :

Tiệc ngọc tưng-bừng ca vũ.
Vạt hồng thấp-thoáng xiêm nghê.

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng mong chờ, cũng nên đọc dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao

của

Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hànoi : *Hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông*

Saigon : *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng. Xin đặt trước nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

Khai bút

Phong trần đã sạch quang,
Kia năm mới mới sang !
Ta sống vui đời mới :
Tiền trình rộng thênh thang.

Ngày Nguyên đán Quý mùi
CÁCH CHI

Rèm treo quỳnh bội,
Ngọc ánh lưu ly.
Thơm ngát trầm bay tỏa khói...
Linh-lung nến rọi đan tri.
Ơn trên thánh-đế,
Réo rắt trúc ty,
Một giấc xuân cung đầm-ấm mấy,
Trước thềm trăng rọi bóng sâm si...
Nguyệt hoa kề ! ... (2)

Đêm ấy, Mai-phi ở luôn lại Thủy hoa cung cho đến sáng.....

Sáng ngày : những mũi tên ánh sáng bắn xuyên qua kẽ hở bức châu liêm, vào tận giường thất bao đánh thức Minh-hoàng.

...Nhưng giờ lâm triều đã muộn !

Và thoạt có đưa nội giám vào chốn màn loan, bao với dang Cửu trùng ràng Tây-cung Dương Quý-phi đến vấn an. Vua vội đem giấu Mai-phi một nơi, rồi cho Dương Quý-phi vào.

Dương Quý-phi rảo mắt khắp phòng, kế nói giọng rất cam tức :

— Trân châu hải vị, bồ đào mỹ tửu, còn bừa bộn trên bàn kia... Lại thêm có một đôi hài cảnh phượng của ai bỏ quên dưới gậm giường... Đêm hôm qua, có vị phi-tần cung-nữ nào vào đây chầu chực Bệ-hạ ?

Bệ-hạ nên cho thần-thiếp rõ. Và Bệ-hạ kịp sửa sang áo mũ làm triều ngay, kẻo bá quan mất công chờ đợi. Bệ-hạ cứ đi đi ! Để thần-thiếp ở lại gác nầy, đợi đến khi bãi triều, tiếp nghênh xa giá Bệ-hạ về Tây-cung.

(Còn nữa)

KIỀU-THANH-QUẾ

(1) Trường hận ca của Bạch Cư Dị — *Tản đà diễn quốc-văn.*
(2) *Thanh Tùng Từ.*

Bạn có muốn làm một việc có ý nghĩa giúp đồng bào không ? Cái bằng giúp Hội Truyền-bá Quốc-ngữ để đưa dân nghèo thất học lên con đường tươi sáng.

ĐÃ CÓ BÁN :

ĐÀO-DUY-ANH
*

TRUNG QUỐC SỬ CƯƠNG

(Từ đời Thái-cổ đến ngày nay, quyển sách đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai mươi thế kỷ).

Giá bán : 8$00

VĂN-HÓA
29, Maréchal Pétain — Huế

ĐÃ CÓ BÁN :

LUẬN TỪNG
trong «Tủ sách Tân Việt»
Một tập hồ sơ dâng lên tòa phúc án của học giới để yêu cầu xét lại sự đã vui lập tức tủi trong cõi quên lãng lùng
Dày 160 trang — Giá 1$0

TRIẾT HỌC EINSTEIN
trong «tủ sách triết học»
Dày 250 trang — giá 2$ 50

SẮP CÓ BÁN :

THI HÀO TAGORE
Một công trình khảo cứu rất công phu của ông Nguyễn văn Hai dày ngót 400 trang
Nhà xuất bản TÂN VIỆT
49 — *TaKou* — *Hanoi*

ĐÃ CÓ BÁN

THI NHÂN VIỆT NAM (1932-1941)

của HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN
in lần thứ ba

Tết năm nay anh em nào ưa thích văn-chương nếu chẳng có quyển « Thi-nhân Việt-nam » bên ấm trà sen, đĩa mứt ngọt hay bên mâm đèn, Tết ấy mất phần hứng thú hết năm bảy phần.

Trích báo Điển-tín Saigon

Hơn 400 trang — gần 40 bức ảnh — Bìa của họa sĩ Nguyễn-đỗ-Cung

Giá bán : *Loại thường : 4 $ 25, loại bouffant hảo hạng : 7 $, loại verse baroque crème : 20 $ (thêm 0 $ 50 tiền cước)*

Có in « prospectus » đăng những lời bình phẩm. Hỏi ở các hàng sách lớn hay ở nhà xuất bản :

Ô. NGUYỄN ĐỨC PHIÊN
Boite postale 34 Huế

NHÌN QUA VĂN HỌC

Việt nam năm 1942

(Tiếp theo và hết)

LÊ-THANH

Sách thuốc và tự điển

Bây giờ giới thanh-niên tri-thức ta đã chú trọng đến Việt-ngữ. Vì, hơn ai hết, họ biết tiếng mẹ đẻ là một lợi-khí rất tốt để truyền-bá khoa học Âu-tây. Nhiều bạn tân-học ngày nay, sau khi học đã thành tài, sốt sắng để tâm đến vấn-đề văn-hóa của đất nước, nên họ đang dần dần thực-hành những điều sở học. Họ viết báo quốc-văn để phổ-thông các môn chuyên-khoa. Họ viết sách quốc-văn để giới-thiệu cho đồng bào biết đến những môn thường-thức về y-học, về vệ-sinh, chẳng hạn.

Bác-sĩ Lê van-Ngôn vừa cho ra cuốn « **Bịnh ho lao** », một cuốn sách chuyên khoa về tân-y-học, giúp ích cho cả người mạnh, người phổi yếu lẫn người bị lao. Vì trong đó tác giả có chỉ cho ta biết những phương pháp ngừa lao, san-sóc người phổi yếu và tiếp-dưỡng người bị lao.

Bên loại sách y-học ấy, ta còn được thấy cuốn *Hán Việt tự điển bị yếu* của Thiền - Chửu Nguyễn - hữu - Kha, một cuốn tự-điển tuy giản-yếu nhưng đầy-đủ, tiện cho những ai muốn tra chữ nho.

Tiểu thuyết

Tuy không có đủ những con số trong tay nhưng tôi có thể nói rằng năm 1942 là năm xuất bản ít tiểu thuyết nhất tính trong vòng ba bốn năm nay.

Người ta bảo như vậy là vì một số nhà tiểu thuyết có tài phải tạm gác bút một nơi. Nói thế không phải là không đúng, nhưng lẽ chính là ở một số độc giả ngày nay đã chán những cuộc phiêu lưu lãng-mạn.

Chắc các bạn cũng nhận thấy xung quanh bạn có bao nhiêu người, ngoài những giờ làm việc và có khi trong cả những giờ nhàn rỗi ở công sở, chỉ biết có cái thú tiêu khiển là đọc tiểu thuyết ; ngày nay trong những giờ ấy họ đã có những công việc khác lý thú và ích lợi hơn : họ học, học một ngành học chuyên môn, học một vài thứ tiếng ngoại quốc ; họ nghĩ đến việc làm thêm một việc gì cho cái ngân quĩ gia đình được dồi dào thêm. . . . . Và các bạn nhận thấy họ đã thành công một cách đáng mừng.

Một nhà văn sau khi nhận thấy điều đó tỏ ý phàn-nàn cho văn chương đã đến ngày bị bạc đãi. Tôi không đồng ý, ngày nay tuy chúng ta đã mất một số người đọc, nhưng văn-chương tiến hay không, không phải nhờ ở số độc giả đọc sách mục đích để giết thì giờ hoặc để cho giấc ngủ mau đến ấy...

Vả lại, việc văn chương cũng như việc chính-trị, xã-hội, phải có những sự thay - đổi, những sự « thịnh suy ». Có những sự đổ vỡ, những sự điêu tàn mới hi-vọng có những cuộc xây đắp mới mà chúng ta vẫn chờ-đợi được.

Thơ

Căn cứ ở số sách xuất bản, ta có thể nói rằng, cũng như tiểu thuyết, trong năm vừa qua, thi ca đã bị nhà văn ta đặt xuống hàng thứ hai, ba trong những nghệ-thuật của họ.

Tôi cố đếm những tác-phẩm bất cứ thuộc loại thơ lãng mạn, hoặc một loại nào khác, Tôi đã không đến con số năm.

Nguyên-nhân có lẽ ở chỗ thi-sĩ ta từ trước đến nay chỉ chuyên về việc bày tỏ như tình cảm lãng mạn, hoặc có tả cảnh chỉ tả theo những khuôn sáo cũ ; ngày nay cái thơ ấy không hợp thời nữa, người ta đang chờ một thế-hệ thi sĩ mới có những tình cảm mạnh mẽ, có cái sức làm tươi lại tâm hồn, người Việt-Nam đã héo lả vì sống trong một bầu không-khí đầy sự nhu-nhược.

Viết đến đây tôi phải nói tới cuốn *Bút hoa* và *Thi văn tập* của Phan mạnh Danh, một nhà thơ về thế-hệ trước đã góp công vào cái kho văn học ngày nay.

Tập thơ cũ « *Chợ Chiều* » của Trúc-Khê xuất bản vào khoảng giữa năm. Nhan đề lấy ở một câu thơ có một ý nghĩa đối với một người bạn gái. Sách xuất bản, có một vài bạn cho tác giả lấy nhan đề ấy là có ý đối với một văn chương tàn cục.

Đó là một sự hiểu lầm, nhưng là một sự hiểu lầm đầy ý-nghĩa. Có lẽ với nó, một loại thơ sẽ tàn, dành chỗ cho một loại thơ khác hùng-tráng hơn...

Tuy nhiên, ta cũng không nên quá bi-quan, ta có thể ghi lấy vài tập như *Ải bắc*, tập anh-hùng ca của Thao Thao và một vài vở kịch lịch sử bằng thơ đã được đem ra diễn nhưng chưa in thành sách. (1)

So sánh số sách báo xuất bản

Chúng tôi chưa đủ tài liệu để lập một bản thông-kê suốt năm. Dưới đây là số sách, báo xuất bản trong 3 kỳ nam vừa qua.

Báo và tạp chí xuất bản ở Trung-kỳ :	5
Báo và tạp chí xuất bản ở Nam-kỳ :	26
Báo và tạp chí xuất bản ở Bắc-kỳ :	55
Tổng cộng	86

(Cũng trong thời kỳ ấy, năm 1941 37)

Sách xuất bản ở Trung-kỳ :	5
Nam-kỳ :	33
Bắc-kỳ :	150
Cao mên	1
Tổng cộng	189
Cũng trong thời kỳ ấy, năm 1941	157
	32

Năm 1942 hơn năm 1941 32 cuốn.

Nhưng tôi nhắc lại trên đây là số sách báo xuất bản trong sáu tháng đầu ; nếu ta đủ tài-liệu để tính cả số sách xuất bản trong sáu tháng cuối năm nữa, về lượng ta không thể có những ý tưởng lạc-quan như bây giờ.

Nhưng về phẩm ? Vì muốn giữ số giấy ta có để đủ dùng trong một thời hạn dài và thứ nhất là muốn cho số giấy đem ra dùng không đến nỗi gọi là phí, chính-phủ đã kiểm-soát một cách chặt-chẽ việc in sách báo.

Từ khi có chế-độ mới, qua các hàng sách, ta ít thấy những quyển sách mà cái giá-trị đáng nghi ngờ.

Một việc bất đắc dĩ trong ấy lại có điều hay. Từ nay ta không phải băn-khoăn về việc độc-giả của ta thiếu trí xét-đoán theo những sách nhảm đi lạc vào nhưng con đường bùn lầy nữa. Từ nay một bài trong tập báo, một thiên khảo-cứu in trong một tập sách nếu không đem cho ta cái gì hay, ít nhất cũng không đầu độc ta bằng những trang có cái sức quyến-dụ mầu nhiệm...

Việc làng báo

Cũng như năm 1941, giá các vật liệu cao, nhân công đắt, giấy khan nhiều tờ báo trong Nam ngoài Bắc phải đình bản. Tờ nào cũng không được giữ nguyên vẹn, số trang rút xuống, những chỗ trong cột báo chỉ dành riêng cho những tin tức quan trọng mà thôi. Người ta nói làng báo đang trong thời kỳ mong đợi : chờ-đợi một thời dễ dãi hơn.

Nhưng đáng khen là những nhà cầm bút của ta, trong khuôn khổ chật hẹp (thường chỉ còn một nửa giấy), họ cũng cố thu « văn chương và tư-tưởng » lại để độc-giả không thiệt-thòi về phương-diện nội dung của tờ báo.

Một sự đáng mừng là, vì ít giấy, ta không còn được trông thấy những cột báo chứa đựng những lời bàn vuông, những câu tán nhảm, có hại cho độc-giả chưa có cái óc xét-đoán chín-chắn, ta bớt được đọc những trang báo đầy những quảng cáo thuốc phong-tình . . .

Nhờ dịp này, báo chí ta biết tự làm cho trong sạch về phương-diện tinh-thần.

Họa trung chi phúc !

Kết luận

Năm 1942 còn là một năm cách-mệnh của Văn-học Việt-nam, hay nói cho đúng, một năm chờ cái kết quả của cuộc cách-mệnh văn-học bắt đầu từ hai năm về trước.

Dù số sách xuất bản mỗi ngày một ít hơn, văn chương hình như không được phần đông chú ý đến như trước, nhưng nhìn về năm vừa qua ta vẫn có những cảm-tưởng dễ chịu do những đặc-sắc trong sáng, cao thượng gây nên.

Nhưng đây là nói về quá-khứ. Nên quay về tương-lai, chắc cả bạn cũng như tôi phải nghĩ ngay rằng năm sắp đến đây sẽ là một năm của sự thử-thách gay go.

Nhà xuất bản cũng như nhà cầm bút sẽ phải cố gắng phải hi sinh nhiều để vượt lên khỏi những nỗi khó-khăn về kinh tế mà Đông dương chúng ta tuy được ở ngoài vòng chiến tranh nhưng không khỏi bị ảnh-hưởng.

Và tôi chắc trong làng văn dù ở một địa-vị nào, ai cũng sẵn lòng cố gắng và hy-sinh.

Một chứng-cớ rõ-ràng là trong số những cây bút quen quen ta không thấy thiếu một cây nào trên những tập sách xuất bản vào dịp đầu xuân.

(Hết)

LÊ-THANH

1·) Khi bài này đa lên khuôn, chúng tôi được tin rằng bạn Phan khắc Khoan in cuốn « Hư vô » (dịch thơ Ba-lư) đã ra năm 1942 đến nay đã xong

THƠ TẾT VỚI CHUYỆN TẾT ĐỜI XƯA

(Bài nối)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

KHÔNG những truyền tụng có đôi câu đối ấy mà thôi, lại có nhiều chuyện cổ-tích rất lý-thú: cách đây ba-mươi năm đi vùng Sơn-tây Vĩnh-yên, tôi được nghe mấy chuyện sau này:

« Ngày xưa hột gạo to bằng cái bát, dân-gian không phải cầy-cấy, đến lúc chín không phải gặt hái: mỗi năm cứ ba ngày tết, khắp bàn-dân thiên-hạ nhà nào nhà nấy quét dọn sạch sẽ, lau rửa bàn thờ, thắp hương cầu khấn thì tự khắc gạo đến đầy cót. Có một nhà, chị vợ lười, không quét dọn trước đến sáng mồng một tết, mới bầy bàn thờ. Anh chồng dạng khấn, chị vợ đang quét thì gạo đầy cửa đánh ầm một cái đi vào. Tức quá, chị chàng sẵn chổi đập gạo một cái, tan ra từng mảnh. Gạo giận lắm, bảo rằng: « Từ nay ta không đến nhà ngươi nữa, nhà ngươi phải ra ngoài đồng mà cắt ta bằng một cái lưỡi sắt » (tức là lưỡi liềm). Vì thế dân ta phải cầy cấy gặt hái mà hột gạo nhỏ đi như bây giờ.

« Ngọc-hoàng thương dân làm ăn vất vả, sai một sứ-giả xuống trần-gian, mang một nắm gạo cho người ăn, một nắm cỏ cho vật ăn. Sứ-giả vứt nắm cỏ vào nước ta, mọc khắp mọi nơi, còn nắm gạo chỉ nem có một nửa. Ngọc-hoàng nghe thấy giận lắm, đòi sứ-giả về, mắng cho một bữa, rồi bắt đầy xuống làm kiếp trâu để ăn cỏ và kéo cầy để dân gian cầy-cấy Ấy vì lỗi sứ-giả mà có nhiều lúa ít.

« Cầy cấy làm ăn khó nhọc, cho nên người ta tôn thọ. Ngọc-hoàng mới sai sức-giả xuống trần-gian bảo cho dân-gian biết rằng: « Người ta đến tuổi già thì được đổi lốt, hóa trẻ lại, sống lâu hàng đời, không phải chết. Con rắn đến già thì phải chết, bỏ vào áo-quan, đem chôn đi, vì con rắn độc ác không được sống lâu ». Sứ-giả cũng nói như thế: « Hễ người già thì được đổi lốt, sống lâu, không chết; còn rắn già thì phải chết, bỏ vào áo-quan ». Chẳng may sứ-giả đi lạc đường, vào nhầm chỗ rắn ở. Lũ rắn gầm thét lên, bảo sứ-giả rằng: « Nhà ngươi phải nói ngược lại rằng: Người già thì phải chết, bỏ vào áo-quan đem chôn; rắn già thì được đổi lốt, trẻ lại, sống lâu, không chết. Nếu không nói ngược lại như thế, thì chúng ông cắn chết! » Sứ-giả sợ quá, đi đến đâu cũng nói: « Rắn về già được đổi lốt, sống lâu, không chết; người thì phải chết, bỏ vào áo-quan đem chôn ». Vì thế cho nên người ta có sinh rồi có chết, duy con rắn thì sống mãi mãi. Ngọc-hoàng thấy thế, cho đòi sứ-giả đến hỏi. Sứ-giả kể chuyện đầu đuôi. Ngọc-hoàng nổi giận lôi-đình, quát to lên một tiếng: sứ-giả sợ quá, ngã xuống đất một cái đánh dùng. Về sau cái vùng có tiếng nổ ấy lại được mùa, làm ăn vui-vẻ, cho nên thành lệ đốt pháo để trừ tà trừ ma. »

Câu chuyện tôi kể lại trên này, đã có người dịch ra chữ Pháp (A. Landes, *Contes et légendes annamites)* in trong tập *Excursions et Reconnaissances* (quyển XI số 25, năm 1886), nhưng hơi khác với câu chuyện tôi được nghe ở vùng nhà quê xem bài 81. *L'origine du buffle*, bài 82, *Grain de riz* và bài, 83, *L'origine du bousier* của ông Landes).

Xét ra có nhiều người cũng truyền-tụng những chuyện na-ná như thế: ông A. Réville có thuật lại trong sách *Les religions des peuples non civilisés*, quyển I, trang 140 và 171.

Còn những chuyện tục-truyền khác, tức là những chuyện không có bằng-cớ gì, người Âu-Mỹ đã nghiên-cứu đến, nay đã gan thành một khoa học riêng, độc giả muốn biết rõ nên xem những sách sau này: P. Saintyves, *Manuel de folklore*, Paris, Nourry, 1936; A. H. Krappe, *The Science of. Folklore*, London, Methuen, 1930; E. Cosquin, *Etudes folkloriques, Recherches sur les migrations des contes populaires et leur point de départ*, Paris, Champion 1922, P. Saintyves, *Les contes de Perrault et les récits parallèles leurs origines (coutumes primitives et liturgies populaires)*, Paris Nourry, 1923; *Mélusine, recueil de mythologie, littérature populaire, traditions et usages*, Publié par H. Gaidoz et E. Rolland, Paris 1883-1912; *Revue de folklore français et de folklore colonial* Paris, Larose. (Hết)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-T

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Truyện cười

(Tiếp theo trang 9)

— Ấy nhưng bác muốn gì chứ? Thế nào tôi cũng giúp cho được mà!

— Thầy làm ơn, hạ địa bàn, tìm cho ngôi đất thế nào đề... mà giời rét-giá thế này mà mặc mảnh áo the nát tươm vẫn chịu được!

Thiệt anh xã đã có ý bảo thầy: « Anh định dối ai? Làm được sao không làm cho anh trước đã! »

Trong ý-nghĩa xã-hội của các chuyện cười ngày trước, ta cũng nên chú ý đến tính-cách lịch-sử dân-tộc.

Một điều ta nên trí ý: xã-hội nước ta hồi xưa là một xã-hội có trật tự nghiêm, có đẳng cấp phân-minh, mà sao lời phúng-thích không nề gì đến phần tử thống-trị, đến cả những nghệ-nghiệp trí-thức như là nho, y, lý, số?

Trước hết ta có thể nói rằng: cười là một cái ma-lực vô-địch. Lúc giọng cười đã bùng ra đầu cửa miệng, là lúc người ta không nghĩ đến sự sợ hãi nữa, và ta đã ủy-thác tâm-hồn ta cho cái năng-lực tìm thú vui của cá-tính, cho một mối động-lực cơ giới mà thôi. Đến lúc nghĩ lại, có thể tiếc rằng đã cười cợt một cách « vô-lý » nhưng « ăn năn thì sự đã rồi! »

Thế rồi cái sức bành-trướng của câu cười cứ việc tràn lan trong cả tập-đoàn, có ai muốn can cũng không thể được nữa.

Vả chăng tinh-thần một câu cười hay lại là ở chỗ phổ-biến. Bấy nhiêu giọng phúng-thích đã hề chỉ đích-danh ai? Có hề chỉ-trích gì một hệ thống triết-học, một tổ-chức tôn-giáo nào đâu? Vì vậy nên chính trong những người đồng hội đồng thuyền với các khổ-chủ bị cười cợt, vẫn nhiều người đã thuộc lòng phải dung-thứ. Một mặt nữa, tính tự ái của mọi người cũng vẫn thầm-thì bảo nhỏ họ rằng: « Cười ai kia đấy!... có phải cười mình đâu!... cứ ngảnh mặt cho qua đi là hơn! »

Lý do lịch sử của nội dung những câu cười xưa kia có lẽ cũng không khác gì lá-lịch các bài hài-văn nước Pháp về hồi Trung-cổ. Nước ta là một nước văn-hiến thiệt, dân-tộc ta là một dân tộc sùng thượng sự-học thiệt. Nhưng học thuật, tôn giáo, nghệ-nghiệp bọn trí-thức ngày trước trong xã-hội ta lại không phải là một sản vật bản xứ. Phần nhiều là do người Tầu đưa sang. Sống dưới ngọn đuốc văn-minh của Trung quốc, nhưng đại-chúng ta vẫn có cái ý-thức rõ-rệt về sự phân-biệt căn bản ở dân-tộc. Đối với họ, những nghề nghiệp đó là cao quý thiệt, là cần thiết cho họ thiệt, nhưng đối với họ, các nhà đạo-mạo, tôn nghiêm đó vẫn là những đại biểu cho một nền văn hóa của nước ngoài. Có lẽ cũng vì vậy mà họ đã dành sẵn cho những mũi tên hài hước để chờ những cơ-hội trụy-lạc mà bảo thủ trong một câu cười ào-ạt chang? (Hết)

ĐẶNG-THAI-MAI

Phá lệ cống người vàng

(Tiếp theo trang 3)

Đường, Ngu, Tam đại (Hạ, Thương, Chu) đến Hán, Đường và Tòng đều chưa làm thế bao giờ.

« Ngài đã rao-truyền tiếng-tăm giáo-hóa của thượng quốc cũng nên đem phép hay, ý tốt của triều đại thịnh-trị đời xưa mà sai bảo mọi nước dưới, chứ bắt chước làm gì cái việc làm của Nguyên, Minh là việc không học theo cổ ấy?

« Mong ngài soi-xét, miễn cho sự đúc dâng người vàng.... »

Bức thư phản-kháng ấy quả có công-hiệu. Vua Thanh phải nhượng bộ, rồi tỏ cái ý « bắt chẳng được, tha làm phúc » trong câu thơ này tặng vua Quang trung (1):

« Thắng triều, vãng sự, bỉ kim nhân! »

Nghĩa: triều thịnh-vượng như triều Thanh đây thật cho sự ngày xưa bắt cống người vàng là đáng khinh-bỉ!

Thế là, vua Quang trung triều Tây-sơn, một tay cái thế đại anh-hùng, một đối-tượng để người ta ghi-nhớ trong ngày Giỗ trận, đã làm được một việc ngoại-giao thắng lợi cũng như, về mặt quân-sự, đã hoàn-toàn thắng-lợi ở xuân kỷ-dậu (1789) xưa. HOA-BẰNG

1) Nguyên văn toàn bài có in trong Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập, quyển 30, tờ 39 b và Đại Thanh thực lục, v. v.

Đã có bán

Lịch trình tiến hóa sách báo quốc ngữ

In đẹp trên giấy láng nhiều hình ảnh văn nhân — Giá 2$00

Nhà sách NGUYỄN KHÁNH ĐÀM

12, rue Sabourain phát hành

Hãy đến *Pavillon Information Presse* xem *« nước Việt Nam cổ »* qua tài liệu của nhà sách Nguyễn Khánh Đàm bày

Giá báo

Mỗi số	0$20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin gửi tiền trước

RẺ ! HAY ! ĐẸP !

đó là 3 cái đặc-điểm các sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

Trong lúc những vật-liệu về ấn-loát đều đắt mà các sách của bản-xã lại bán rẻ là cốt ý để quốc-dân ai ai cũng có thể mua được.

—*—

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho
Nhà in MAI-LINH — Hanoi
Tổng phát-hành

MỚI XUẤT BẢN

KIM-VÂN-KIỀU

Theo bản Pháp văn của ông **Nguyễn-văn-Vĩnh** *330 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh. Theo thời giá phải bán trên 4$00 mới có lãi mà Loại giấy thường bán có 2$00 (cước 0$54) Loại đặc biệt 7$00 (cước 0$60)*

Lược-khảo Việt-Ngữ

Một bài khảo cứu có giá trị của ông **Lê-văn-Nưu** *đã được giải thưởng của báo Patrie Annamite (ngót 100 trang). Loại thường bán có 0$50 (cước 0$32). Loại đặc biệt 4$00 (cước 0$47)*

SẮP XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn
La Fontaine

Pháp văn và bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH. Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH (150 trang) khổ to 17×23. Loại thường bán có 1$00 (cước 0$40). Loại đặc biệt bán có 5$00 (cước 0$54)

NHỮNG SÁCH CỦA

Lê-Thăng xuất bản
Imprimerie du Nord
133, Rue du Coton, Hanoi

1) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p. 25
2) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 3p. 00
3) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 4p. 00
4) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim, 0p. 80
5) *De Hanoi à la Courtine* Phạm duy-Khiêm 1p. 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin gửi trước.

1 *Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.*

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

QUYỂN THỨ I : 1$20

QUYỂN THỨ II : 1$50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị họp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú rất công phu. Sách in cực đẹp.

Mua vui một cách thanh nhã trong dịp đầu xuân, xin đọc:

THẰNG KINH

Tiểu thuyết giáo dục của **Nguyễn-đức-Quỳnh**

« **Thằng Kinh** » là 1 cuốn truyện mà trong đó, cuộc đời học đường, cuộc đời sân chơi, cuộc đời hè phố của đứa trẻ Việt-Nam về mươi năm trước đây được tả rất thú vị và cặn kẽ. Đọc Thằng Kinh sau ngày tết, chúng ta đều bâng-khuâng vui mà suy nghĩ thấm thía như còn vang lại bên tai dư-âm của tiếng pháo giao.. thời tất cả. *Trí-thức Việt-Nam đều mong* hưởng cái dư-âm đó.

Sách dầy 400 trang — bìa 3 màu — Giá 3$50

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN
71 Tiên Tsin Hanoi

(Mua 1 cuốn xin gửi thêm 0$70 cước đảm bảo, chứ không bán lĩnh hóa giao ngân).

REVUE TRI-TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tự-Quý
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi